

BIẾN ĐỔI CƠ CẤU XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI

NGUYỄN ĐÌNH TẤN^(*)

Cơ cấu xã hội, biến đổi cơ cấu xã hội là những chủ đề lớn, nhạy cảm và mang tính "cốt lõi", "căn cốt" của xã hội học nói riêng, của các khoa học xã hội và nhân văn nói chung. Nghiên cứu cơ cấu xã hội, biến đổi cơ cấu xã hội để hiểu được những đặc trưng, đặc tính của xã hội, để đánh giá được trình độ phát triển của xã hội, để chỉ ra được sự cân bằng hay những nghiêng lệch trong xã hội. Đó cũng là "chìa khoá" để hiểu được biến đổi xã hội, từ đó cho phép Đảng và Nhà nước cũng như các tổ chức đoàn thể xã hội đưa ra được những dự báo xã hội; trên cơ sở đó có những cơ sở khoa học cần thiết để đề ra các chính sách, giải pháp nhằm thúc đẩy xã hội phát triển theo hướng năng động, tích cực, tiến bộ, đồng thời hoá giải những xu hướng thoái bộ, bất ổn hoặc nguy cơ đổ vỡ xã hội.

Trên cơ sở phân tích lý luận và khái quát hoá thực tiễn biến đổi cơ cấu xã hội nước ta thời kỳ đổi mới, chúng tôi xin nêu ra một số nét biến đổi chính trong các phân hệ cơ cấu xã hội cơ bản ở nước ta hiện nay với hy vọng cung cấp một nguồn tham khảo bổ ích cho việc tái cấu trúc lại cơ cấu xã hội theo hướng phù hợp với xu hướng hội nhập, đổi mới toàn

diện nền kinh tế xã hội đất nước trong thời gian tới.

I. Biến đổi cơ cấu xã hội giai cấp, giai tầng xã hội

Từ Đại hội Đảng VI (Đại hội đổi mới năm 1986), đặc biệt là từ những năm 90 (thế kỷ XX) đến nay, theo các số liệu từ Tổng cục Thống kê, có thể thấy cơ cấu xã hội giai cấp, giai tầng xã hội ở nước ta đã có những biến đổi đáng kể. Tỷ trọng cư dân nông nghiệp từ chỗ chiếm xấp xỉ 70% trước đây đã giảm xuống chỉ còn 50% (năm 2007), tỷ trọng lao động công nghiệp, xây dựng và dịch vụ từ chỗ còn hết sức bé nhỏ trước đổi mới đều đã tăng lên mức 30% trong nền kinh tế (năm 2007). Năm 2009, ước tính lao động công nghiệp khoảng trên 12,5 triệu người, lao động dịch vụ cũng ở mức tương tự khoảng 12 triệu người. Nhưng điều đáng nói là ở chỗ: tỷ trọng lao động công nghiệp (thực chất là lao động của người công nhân, giai cấp công nhân theo cách nói truyền thống) và lao động dịch vụ sẽ còn tiếp tục tăng lên mạnh mẽ trong những năm tới, tỷ trọng lao động nông nghiệp sẽ tiếp tục giảm. Cho đến nay, cả nước đã có hàng trăm ngàn

^(*) GS., TS., Viện trưởng Viện Xã hội học, Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

doanh nghiệp, 3 triệu hộ sản xuất kinh doanh với hàng triệu doanh nhân. Lực lượng lao động trong khu vực nhà nước chỉ ở mức 3,975 triệu người (năm 2007). Trong khi đó lao động khu vực ngoài nhà nước (cùng năm) là 40,197 triệu người, ước tính năm 2009 có thể là 41-42 triệu lao động, lớn gấp 10 lần lực lượng lao động khu vực nhà nước, chiếm tuyệt đại lực lượng lao động toàn xã hội.

Xu hướng chung là, tỷ trọng lao động trong khu vực nhà nước giảm, khu vực ngoài nhà nước liên tục tăng, lao động nông nghiệp giảm, lao động công nghiệp, dịch vụ tăng. Đáng chú ý là sự tăng nhanh số lượng các doanh nghiệp, theo đó là tăng số lượng các doanh nhân... Theo đà phát triển như hiện nay, mục tiêu 500.000 doanh nghiệp với cả triệu doanh nhân vào năm 2010-2011 như mục tiêu Đại hội Đảng X đặt ra chắc chắn là sẽ không chỉ đạt tới mà có thể còn vượt xa hơn.

Sự lớn mạnh không ngừng của tầng lớp doanh nhân cũng như sự đa dạng, phong phú của nó (nguồn gốc xuất thân, tuổi tác, các đặc trưng theo giới, trình độ học vấn, quy mô, loại hình, vốn đầu tư hoạt động, liên kết tổ chức, vùng miền sản xuất đầu tư, kinh doanh...) sẽ tạo ra một cục diện mới cho nền kinh tế cũng như đặt ra những yêu cầu bức bách hơn đối với những thay đổi trong chính sách, thể chế pháp luật cho phù hợp. Sự lớn mạnh này diễn ra không chỉ ở các địa bàn đô thị, trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ tài chính, kỹ thuật, công nghệ cao mà cả ở các địa bàn nông thôn, rừng núi, biên cương, hải đảo, cả các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, cả những nơi chưa đòi hỏi nhiều đến công nghệ cao, kỹ thuật cao, nguồn nhân lực chất lượng cao. Một số

tác giả của các bài báo gọi họ là "tầng lớp trung lưu" và họ nhận định rằng: Sự lớn mạnh của tầng lớp này sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước; tạo ra được nhiều việc làm, hạn chế thất nghiệp góp phần ổn định xã hội, giảm thiểu những căng thẳng xã hội, nhất là áp lực về việc làm; thúc đẩy cải cách kinh tế, đổi mới thể chế, thủ tục hành chính, hoàn thiện các chính sách, thúc đẩy sự liên kết 4 nhà: nhà nông, nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học; đóng góp to lớn vào nguồn thu ngân sách nhà nước thông qua việc nộp thuế cũng như nhiều hoạt động phúc lợi xã hội, cứu trợ xã hội, từ thiện xã hội... Phải thấy rằng, tầng lớp doanh nhân đang trở thành một lực lượng chủ công, đội quân xung kích trong công cuộc phát triển kinh tế – xã hội nước ta.

Đội quân này cùng với những người lao động ưu tú khác đang "nổi lên", "trội vượt" lên từ khắp các giai cấp, tầng lớp xã hội hợp thành một *tầng lớp xã hội "ưu trội"* - tầng lớp bao gồm những phần tử năng động nhất, tài hoa, xuất sắc nhất. Họ trở thành những mạnh thường quân, những đầu tàu thật sự sung mãn, khoẻ mạnh, đi tiên phong trong tất cả các hoạt động xã hội. Họ sẽ là người lôi kéo, dẫn dắt mỗi nhóm xã hội cũng như toàn xã hội đi lên.

Sự hình thành tầng lớp xã hội "ưu trội" gắn chặt với quá trình hình thành cấu trúc phân tầng xã hội hợp thức. Tầng lớp ưu tú này cần phải được Đảng, Nhà nước và các đoàn thể xã hội nhìn nhận một cách đúng đắn, đánh giá đúng tài năng, công lao và những giá trị đóng góp của họ, tôn vinh họ, vinh danh họ. Đồng thời, cần phải chú ý theo dõi, thu

hút, đào tạo, sắp xếp, bổ nhiệm họ vào các vị trí then chốt trong bộ máy của Đảng và Nhà nước. Nếu họ là doanh nhân, nhà khoa học, chúng ta cần có các chính sách an toàn, thông thoáng, tạo điều kiện để họ có thể phát huy cao nhất năng lực kinh doanh và sáng tạo của mình. Cần phải tạo ra cho họ những hành lang, môi trường rộng rãi, những ưu đãi về thuế, vốn, những tư vấn và hỗ trợ pháp lý và những chế tài bảo vệ họ khi lợi ích của họ bị đe dọa, xâm hại.

Thiết nghĩ, Đảng và Nhà nước Việt Nam nên sớm chỉ đạo cho các nhà khoa học, các nhà lý luận nghiên cứu thật sự sâu sắc, thấu đáo, từ đó tiến hành tổng kết, đánh giá và rút ra những nhận định thật sự khách quan, toàn diện, khoa học về tầng lớp xã hội này. Chúng tôi tin tưởng rằng, những đánh giá chính thức, đúng đắn và kịp thời của Đảng và Nhà nước ta sẽ có ý nghĩa thực sự quan trọng trong việc giải toả, tháo gỡ những băn khoăn, xao động của không ít cán bộ, đảng viên hiện nay đối với họ.

Song hành với sự hình thành nhóm xã hội "vượt trội", tầng lớp xã hội "ưu trội" là sự xuất hiện một cách tất yếu, không tránh khỏi các nhóm xã hội "yếu thế", tầng lớp xã hội "yếu thế". Những nhóm xã hội này được hình thành từ khắp các giai cấp, tầng lớp, tổ chức, nghề nghiệp như công nhân, nông dân, trí thức, công chức, thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ... Đó là những người không có nghề nghiệp ổn định, học vấn, tay nghề thấp, không có tay nghề hoặc có nghề rồi song chưa kiếm được việc làm... Đó là những người sống trong các gia đình đông con, ít nhân lực lao động, đông nhân khẩu phụ thuộc, sức khoẻ yếu, hay ốm đau, hoặc gia đình có nhiều

người đau bệnh, tàn tật, gặp nhiều rủi ro, thiên tai, dịch hoạ... Đó là những người sống ở vùng sâu, vùng xa, đất đai cằn cỗi, thời tiết khắc nghiệt, địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, cơ sở hạ tầng thấp kém, phong tục làm ăn lạc hậu... Họ có thể là những người dân ở diện "giải toả" đất đai, nhà ở..., sang môi trường sống mới họ chưa được đào tạo nghề nghiệp, chưa được chuẩn bị về mặt tâm lý để thích nghi và hội nhập với nơi ở mới.

Họ có thể là những doanh nhân, những tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công làm ăn thua lỗ, tụt hậu về mặt kỹ thuật, công nghệ, không theo kịp hoặc không đủ năng lực cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Họ cũng có thể là những người thuộc diện chính sách xã hội như thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với cách mạng..., nay thiếu sức khoẻ, học vấn, chuyên môn nghề nghiệp...

Những người thuộc các nhóm xã hội, tầng lớp xã hội "yếu thế" này khá đông đảo và đang là một hiện tượng xã hội nhức nhối, là nỗi băn khoăn, lo lắng và mối quan ngại cho nhiều nhà lãnh đạo, quản lý ở các tổ chức, địa phương cũng như Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội.

II. Biến đổi cơ cấu xã hội dân số ở Việt Nam

Sự biến đổi cơ cấu dân số ở nước ta trong vài thập kỷ qua biểu hiện rõ nhất và đáng chú ý nhất là trong cơ cấu tuổi, cùng với đó là những biến đổi nhẹ trong cơ cấu giới tính, sau nữa và gắn với nó là sự biến đổi trong mức sinh, mức tử.

Do thành quả của công tác dân số và KHHGD trên phạm vi toàn xã hội, đặc biệt rõ nét là từ sau Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII (năm 1993), mức

sinh giảm liên tục, mức tử cũng giảm, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, tuổi thọ bình quân của người dân tăng đáng kể... đã dẫn đến sự thay đổi lớn trong cơ cấu tuổi của dân số nước ta. Tỷ trọng dân số phụ thuộc (bao gồm nhóm dân số dưới 15 tuổi, cộng với số người trên 60 tuổi) từ 49,6% dân số (năm 1979) giảm xuống 35% dân số (năm 2007). Tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động (bao gồm những người từ 15 đến dưới 60 tuổi) tăng nhanh từ 50,4% (năm 1979) lên 65% (năm 2007) (1).

Những thay đổi về cơ cấu tuổi trên đây chứng tỏ Việt Nam không còn là một quốc gia dân số trẻ mà đang bước vào giai đoạn "dư lợi dân số" (các nhà nhân khẩu học gọi đó là thời kỳ dân số vàng). "Dư lợi nhân khẩu" hay "lợi tức nhân khẩu" là giai đoạn tỷ trọng trẻ em dưới 15 tuổi ít hơn 30% và tỷ trọng người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên ít hơn 15%. Năm 2007, trẻ em dưới 15 tuổi ở nước ta là 25,5%, người cao tuổi trên 65 tuổi là 7,2%. Cơ cấu dân số vàng hay còn gọi là dư lợi dân số là khái niệm dùng để chỉ một dân số có người lao động (từ 15-59 tuổi) đạt tỷ lệ cao nhất, và nhóm dân số phụ thuộc ở mức thấp nhất (những người có độ tuổi từ 0 đến 14 tuổi và từ 60 tuổi trở lên) (1, 2).

Sự phát triển của mỗi quốc gia phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó đáng kể nhất và trực tiếp nhất là nguồn lực con người (nguồn lực lao động, bao gồm cả số lượng lao động và chất lượng lao động). Nguồn lực lao động lại được xem xét trong mối quan hệ với nhóm dân số phụ thuộc (chưa lao động hoặc thôi lao động). Tỷ số phụ thuộc là một trong các chỉ tiêu đánh giá chất lượng dân số, cho biết gánh nặng của dân số trong độ tuổi

có khả năng lao động đối với nhóm dân số ngoài độ tuổi lao động. Tỷ lệ dân số phụ thuộc ở nước ta chưa bao giờ đạt ở mức thấp 54% (như năm 2007), thấp hơn nhiều so với 98% (năm 1979) và đây là khởi đầu của một thời kỳ "dư lợi dân số", "cơ cấu dân số vàng" (1, 2).

Cơ cấu dân số này đã và đang tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế xã hội nước ta. Đó có thể sẽ là cơ hội để chúng ta cất cánh tăng khoảng 1/3 mức tăng trưởng kinh tế hàng năm và kéo dài khoảng 30 năm như những con hổ châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) mấy thập kỷ trước đây nhờ nguồn lao động dồi dào, đông đảo, lại "mang vác" nhóm dân số phụ thuộc ít nhất.

Một số nhà khoa học cho rằng, thời kỳ vận hội do dư lợi dân số ở Việt Nam mang lại sẽ kéo dài khoảng 30 năm: từ năm 2010 đến năm 2040. Với vận hội này, nếu Chính phủ có chính sách tốt trên cả 3 lĩnh vực: giáo dục-đào tạo, kinh tế-xã hội và quản lý thì ước mơ hoá rồng của nước ta không còn chỉ là mong muốn mà có thể sẽ trở thành hiện thực. Chính sách giáo dục, đào tạo tốt nhằm sớm đưa nhóm dân số trẻ nước ta trở thành một lực lượng lao động có trình độ học vấn, tay nghề cao, chuyên môn giỏi, năng động thị trường, lao động có năng suất cao. Chính sách kinh tế và chính sách xã hội tốt để khuyến khích các doanh nghiệp mở mang đầu tư và tạo ra nhiều việc làm; tạo môi trường thông thoáng, linh hoạt để lực lượng lao động trẻ tìm được việc làm, cơ động, linh hoạt trong thị trường việc làm. Chính sách quản lý vĩ mô và vi mô tốt nhằm tăng cường pháp luật, đổi mới thể chế, tăng hiệu lực quản lý, giảm thiểu sự

phiên hà, tham nhũng, kết hợp tốt giữa các nhà (nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học), kết hợp tốt giữa các chủ doanh nghiệp với chính quyền sở tại và người lao động...

Nhưng "cơ cấu dân số vàng" của chúng ta cũng có thể sẽ là một thách thức lớn, nếu chúng ta không làm tốt ba vấn đề nói trên. Bởi lực lượng lao động đạt mức tối đa (ước tính mỗi năm tăng thêm khoảng 1,6 triệu lao động), song Nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội không tạo đủ việc làm cho người lao động hoặc chỉ tạo ra những việc làm nhàm chán, thu nhập thấp, điều kiện làm việc yếu kém, tham nhũng tràn lan... thì nguy cơ khủng hoảng, đổ vỡ, rối loạn xã hội sẽ là điều bất khả kháng.

III. Biến đổi cơ cấu xã hội lãnh thổ và các phân hệ cơ cấu xã hội cơ bản khác

Cùng với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mạng lưới đô thị quốc gia đã được mở rộng, từ 629 đô thị chiếm 20,7% (năm 1999) tăng lên 754 đô thị chiếm xấp xỉ 30% (năm 2009). Đô thị loại một tăng thêm 5 đô thị, trong khi đó đô thị loại năm tăng thêm 99 đô thị. Kéo theo đó là sự gia tăng liên tục quy mô dân số đô thị, từ 14,9 triệu người (năm 1998) lên 23,9 triệu người chiếm 20/7% dân số cả nước (năm 2005), ước tính khoảng 25-26 triệu người chiếm khoảng 29% dân số cả nước (năm 2009). Tăng trưởng kinh tế trung bình ở khu vực đô thị đạt từ 12-15%, cao gấp 1,5-2 lần so với mặt bằng chung của cả nước (năm 2007), và đạt khoảng 8-10% (năm 2009). Hiện nay, nguồn thu đô thị chiếm tỷ lệ 70% trong cơ cấu GDP cả nước. Sự phát triển kinh tế đô thị đã và đang tạo ra hàng triệu việc làm cho người lao động, góp phần quan trọng trong việc

duy trì sự ổn định và phát triển của xã hội (3, tr.4).

Ngoài 3 vùng kinh tế trọng điểm, hàng chục khu kinh tế với hàng trăm các đô thị lớn, nhỏ mọc lên và được mở rộng, kéo theo là sự phát triển cơ sở hạ tầng nhà xưởng, khu công nghiệp... đã làm cho cơ cấu lãnh thổ nước ta có sự thay đổi khá mạnh mẽ. Cư dân nông thôn giảm, cư dân đô thị, lối sống đô thị tăng. Đây là thời kỳ đô thị hoá mạnh mẽ nhất ở nước ta. Nó sẽ còn mang lại nhiều thay đổi căn bản (cả những cơ hội, cũng như thách thức) cho con người Việt Nam, xã hội Việt Nam. Nó sẽ là dấu hiệu tốt, triển vọng tốt nếu quá trình đô thị hoá được gắn kết chặt chẽ với quá trình CNH, HĐH, phản ánh tính tất yếu kinh tế-chính trị, xã hội và được quy hoạch, điều hành, quản lý một cách bài bản, khoa học, không "nhảy cóc". Nếu không, nó sẽ là nguy cơ của những vấn nạn về ô nhiễm môi trường, ách tắc giao thông, tệ nạn xã hội, tình trạng thiếu việc làm, thiếu điện, thiếu nước, lai căng văn hoá và những vấn đề bức xúc đáng cảnh báo khác...

Biến đổi cơ cấu xã hội lãnh thổ là một trong những chỉ báo hết sức quan trọng để có thể xem xét và dự báo bao giờ Việt Nam sẽ trở thành con rồng, con hổ của khu vực. Đó cũng là chỉ báo đánh giá trình độ văn minh mà chúng ta sẽ đạt được ở mức độ nào sau nhiều năm tìm tòi, đổi mới.

Nghiên cứu sự biến đổi cơ cấu xã hội, chúng ta cũng cần phải xem xét những biến đổi trong cơ cấu xã hội tôn giáo ở nước ta - một quốc gia đa tôn giáo (với 6 tôn giáo lớn: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành giáo, Hồi giáo, Hoà Hảo giáo, Cao Đài giáo) trong thời kỳ

mở cửa đang có rất nhiều sự biến đổi. Từ năm 2007 đến nay, đã có thêm nhiều tôn giáo với hàng chục các tổ chức tôn giáo, “nhánh phái tôn giáo” khác nhau được Nhà nước chính thức thừa nhận và đi vào hoạt động. Chính trong bối cảnh này, Đảng và Nhà nước ta cần chăm chú theo dõi và có những chính sách thông minh, trí tuệ nhằm hoá giải được những mâu thuẫn, xung đột, tăng tính đồng thuận xã hội, xây dựng vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp hài hoà giữa đời và đạo, đạo pháp và CNXH.

Song hành với sự biến đổi cơ cấu xã hội tôn giáo là sự biến đổi không kém phần quan trọng trong cơ cấu xã hội dân tộc. Một quốc gia 54 dân tộc phải đối mặt với rất nhiều thách thức của đổi mới, mở cửa, hội nhập khu vực, quốc tế. Các lực lượng thù địch luôn tìm mọi cách “chọc” vào những điểm yếu, những sơ hở trong các chính sách và sự vận hành chính sách dân tộc, tôn giáo ở nước ta để kích động chủ nghĩa dân tộc cực đoan, gây chia rẽ, mất đoàn kết làm yếu đi sức mạnh của quốc gia, dân tộc

chúng ta. Trước bối cảnh hiện nay, việc nắm chắc các quan điểm về đoàn kết dân tộc của Đảng, những chỉ đạo sâu sắc và chân thực trong các Di huấn tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tập hợp một cách thông minh, khoa học, nhất quán, trung thực các dân tộc xung quanh ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng dưới ánh sáng của đổi mới - đó là những điều kiện tiên quyết và con đường duy nhất đúng dẫn đưa đất nước đi đến xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, một xã hội tươi đẹp, nhân văn, “nhân đạo hoàn bị” mà chúng ta quyết tâm hướng tới.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Tổng cục Thống kê. Tổng điều tra dân số và nhà ở 1979, 1989, 1999 và Điều tra biến động dân số – Kế hoạch hoá gia đình 2007.
2. UNDP. Human Development Report 1998-2008.
3. *Tạp chí Xây dựng*, số 11/2009.